+TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 700/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Xuân M,** sinh năm: 2003, địa chỉ: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Anh **Võ Hồng N,** sinh năm: 1996, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Xuân M và anh Võ Hồng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Xuân M và anh Võ Hồng N thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị M và anh N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2.Về con chung, nợ chung : hai bên đương sự khai không có.

2.3: Về tài sản chung: Chị M và anh N thống nhất anh chị có tài sản chung là số vàng cưới gồm 01 chiếc nhẫn trọng lượng 2 chỉ vàng loại vàng 24 K ; 01 chiếc lắc trọng lượng 03 chỉ loại vàng 18 K; 2 bộ vòng xi men trọng lượng 7 chỉ loại vàng 18 K; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 18K; Tổng giá trị tài sản quy đổi thành tiền là 65.000.000 đồng. Chị M và anh N thỏa thuận mỗi người một nhận ½ số vàng nêu trên. Do chị M đang giữ toàn bộ số vàng trên nên chị M có nghĩa vụ giao lại cho anh N ½ số vàng nêu trên quy đổi thành tiền là 32.500.000 đồng (*ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

2.4: Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*); chị M và anh N mỗi người phải nộp là 75.000 đồng (*bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí

Án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành có giá ngạch:

Anh N phải nộp số tiền án phí là 812.500 đồng (*T trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

Chị M phải nộp số tiền án phí là 812.500 đồng (*T trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).*

Tổng cộng anh N phải nộp số tiền án phí là 887.500 đồng (*tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Tổng cộng chị M phải nộp số tiền án phí là 887.500 đồng (*tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:0001743 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 587.500 đồng (*năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS H.Châu Thành,T. Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Phú H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết